

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Chon

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Nguyễn Hồng Xứng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:* Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Trúc L**, sinh năm 1979

Địa chỉ: **ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang**

*- Bị đơn:* Ông **POON JOHN SUI**, sinh năm 1971

Địa chỉ trong giấy đăng ký kết hôn: 583 ATHOL, OAKLAND CA, CA 94606, USA.

Địa chỉ hiện tại: 36 TERRACED - HYLLS WAY SAN RAMON SA 94583-9102, USA.

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*

Luật sư **Nguyễn Trường T** - Văn phòng L1 - Đoàn luật sư thành phố C.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, luật sư có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc M** trình bày:

Năm 2005, bà **L** quen ông POON JOHN SUI qua mai mối, sau khi tìm hiểu hai bên có tình cảm nên tiến đến hôn nhân, ông bà có làm đám cưới theo phong

tục tập quán Việt Nam, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh K, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140 ngày 20/4/2005.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại Việt Nam được một tháng thì ông POON JOHN SUI quay về Mỹ làm việc và làm thủ tục bảo lãnh bà L sang Mỹ đoàn tụ. Thời gian đầu vợ chồng còn liên hệ nhưng đến 04 tháng sau thì ít liên lạc, dần dần hai bên rất ít khi liên lạc nhau. Do thời gian chung sống ngắn, cách xa về địa lý nên vợ chồng không còn sự quan tâm, hai bên không hợp nhau về quan điểm sống, vợ chồng không ai quan tâm ai, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện ly hôn. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông POON JOHN SUI.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn ông POON JOHN SUI:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho ông POON JOHN SUI về yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Trúc L. Ông POON JOHN SUI đã nhận được hồ sơ ủy thác của Tòa án trong đó ấn định thời gian để ông POON JOHN SUI thực hiện quyền trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, cũng như thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án cho ông POON JOHN SUI được biết, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông POON JOHN SUI vẫn vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được ý kiến của ông POON JOHN SUI.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Trường T trình bày ý kiến: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông POON JOHN SUI là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Do thời gian chung sống ngắn, cách xa về địa lý nên vợ chồng bà L không có sự quan tâm, hai bên không hợp nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường cãi nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông POON JOHN SUI cũng không có ý kiến. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc L.



Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà **Phạm Thị Trúc L** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông POON JOHN SUI vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp. Căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 và 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà **Phạm Thị Trúc L**:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà **Phạm Thị Trúc L** và ông POON JOHN SUI quen biết nhau qua mai mối, hai bên có tình cảm yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140 ngày 20/4/2005. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa bà **Phạm Thị Trúc L** và ông POON JOHN SUI là hợp pháp.

Bà **L** xác định, sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau được một tháng thì ông POON JOHN SUI trở về Mỹ làm việc và làm thủ tục bảo lãnh bà **L** sang Mỹ đoàn tụ. Thời gian đầu vợ chồng bà **L** còn liên hệ nhưng đến 04 tháng sau thì ít liên lạc, dần dần hai bên rất ít khi liên lạc nhau. Do thời gian chung sống ngắn, cách xa về địa lý nên vợ chồng không còn sự quan tâm, hai bên không hợp nhau về quan điểm sống, vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Bà **L** xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông POON JOHN SUI.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho ông POON JOHN SUI nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông POON JOHN SUI vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà **L** để Tòa án xem xét.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà **Phạm Thị Trúc L** và ông POON JOHN SUI đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận đề nghị của luật sư, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Phạm Thị Trúc L**.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà **L** xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà **L** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã tạm nộp.

[5] Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà **L** phải chịu chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng và chi phí thực tế ủy thác tư pháp 95 USD, bà **L** đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị Trúc L**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị Trúc L** được ly hôn với ông POON JOHN SUI.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà **Phạm Thị Trúc L** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp, theo biên lai thu tiền số 0003901 ngày 01/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà **Phạm Thị Trúc L** phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, đã nộp xong theo biên lai thu số 0099512 ngày 05/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, chi phí thực tế ủy thác tư pháp 95 USD, đã nộp xong theo chứng từ giao dịch ngày 21/12/2023 tại **Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K**.

5. Quyền kháng cáo: Bà **Phạm Thị Trúc L** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông POON JOHN SUI có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Chơn**